TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-PT
Ngày: 22 - 01 -2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2020/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G; Cư trú tại: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G: Chị Trương Thị Minh H; Cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2018).

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Thu Nguyệt; Cư trú tại: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Ngô Thị Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trương Thị Minh H trình bày:

Vào ngày 04 tháng 6 năm 2015, chị Ngô Thị Thu N có viết biên nhận vay của chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng, mục đích phục vụ sinh hoạt gia đình, lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng/ tháng/100.000.000 đồng gốc, lãi trả hàng tháng, gốc thỏa thuận 01 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Thực hiện hợp đồng thì chị G với chị N thỏa thuận chị N sẽ trả lãi hàng tháng, còn gốc khi nào cần thì chị G yêu cầu chị N sẽ trả đủ một lần. Chị N trực tiếp trả lãi được 40 tháng (tính từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 10 năm 2018) với số tiền lãi là 40.000.000 đồng thì ngưng. Từ tháng 11/2018 đến nay chị G yêu cầu chị N trả gốc và lãi, nhưng chị N hẹn nhiều lần nhưng đến nay không trả thêm khoản tiền nào.

Do chị N vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện đúng thỏa thuận, nên chị G khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi từ ngày 04 tháng 11 năm 2018 đến nay tính tròn là 21 tháng, lãi 1% tháng/100.000.000 đồng gốc, với số tiền lãi là 21.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Ngô Thị Thu N trình bày:

Giấy ghi ngày 04/6/2015, có nội dung chị nợ chị G 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng gốc, lãi trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng, đúng chữ viết và chữ ký của chị nhưng từ trước đến nay chị không có quen biết chị G. Vào khoảng năm 2013, chị có vay của ông Lê Văn M, sinh năm 1960 (bí danh là Bé B) địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 25.000.000 đồng/500.000.000 đồng/tháng, lãi trả hàng tháng, gốc không hẹn thời gian trả. Khi vay có lập Hợp đồng tại Phòng công chứng nào hiện nay không nhớ và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi lập hợp đồng thì ghi giữa hai bên là N với G, không có ghi tên ông M vào hợp đồng để công chứng, vì chị nghĩ chị G là vợ của ông M. Thực hiện thỏa thuận thì chị đã trả gốc, lãi theo hợp đồng cho người trực tiếp nhận tiền là ông M và thanh lý hợp đồng xong vào ngày 04/6/2015, nhưng chị còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền lãi nên chị làm bên nhận nợ chị G như nói trên, cùng

ngày 04/6/2015 thì ông M đã trực tiếp giao trả chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi làm biên nhận nợ 100.000.000 đồng vào ngày 04/6/2015 thì chị trực tiếp trả tiền nhiều lần cho ông M hiện không nhớ cụ thể ngày tháng và số tiền cụ thể đã trả bao nhiêu, chị không có trả lãi cho chị G lần nào.

Nay chị không đồng ý trả cho chị G trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận là 1.000.000 đồng tháng, tính từ tháng 11/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Thu N có trách nhiệm trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi từ ngày 04 tháng 11 năm 2018 đến ngày ngày 15 tháng 7 năm 2020 tính tròn là 21 tháng với số tiền là 21.000.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 121.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, bị đơn chị Ngô Thị Thu N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chị không có nợ tiền của chị Giàu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ngô Thị Thu N thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Chị N đồng ý trả cho chị Giàu 100.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 04/6/2015 nhưng không đồng ý trả lãi, lý do số tiền trên là chị nợ lãi của ông Lê Văn M nhưng ông M yêu cầu chị viết biên nhận ghi nợ chị G. Sau đó chị đã trả xong số tiền trên cho ông M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Minh H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nay chị yêu cầu chị N trả vốn 100.000.000 đồng và lãi tính 1%/tháng từ ngày khởi kiện 26/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Buộc chị N trả cho chị G tiền vốn vay 100.000.000 đồng và lãi 18.666.600 đồng. Chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét biên nhận ngày 04/6/2015 nội dung thể hiện chị Ngô Thị Thu N có thỏa thuận vay của chị Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng và thỏa thuận hằng tháng trả vốn 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Chị N thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 04/6/2015 là của chị nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây không phải là tình tiết, sự kiện phải chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định chị N có nợ của chị G số tiền là 100.000.000 đồng.

[2] Chị N kháng cáo cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là tiền lãi chị còn nợ của ông M, chị không vay tiền của chị G và không biết chị G là ai. Lý do chị viết biên nhận ngày 04/6/2015 là do ông M yêu cầu và chị nghĩ chị G là vợ ông M nên mới đồng ý viết biên nhận. Sau khi viết biên nhận, chị đã trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông M làm hai lần và có một lần trả ông M có ký nhận với chị nhưng hiện tại chị không cung cấp được biên nhận trả tiền. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của chị N và khẳng định biên nhận ngày 04/6/2015 với số tiền 100.000.000 đồng là do chị N vay tiền của chị G, nguyên đơn chị G không biết ông M. Từ khi chị N vay tiền cho đến nay chị N chưa trả tiền vốn cho chị G và chị N đã đóng lãi từ tháng 6/2015 cho đến tháng 10/2018 thì ngưng. Xét chị N ngoài lời trình bày thì chị N không có cung cấp chứng cứ chứng minh rằng số tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 04/6/2015 là chị vay của ông M và chị đã trả xong tiền vốn, lãi cho chị G. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

[3] Về số tiền lãi, người đại diện hợp pháp của chị G thừa nhận chị N đã đóng lãi đến tháng 10/2018 nên yêu cầu chị N trả lãi từ tháng 11/2018 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 15/7/2020 tương đương 21 tháng.Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị N trả lãi tính từ ngày

khởi kiện 26/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2020 tương đương 18 tháng 20 ngày. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H tại phiên tòa là lợi cho chị N và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, cấp phúc thẩm điều chỉnh phần tiền lãi cho phù hợp, cụ thể:

100.000.000 đồng x 1% x 18 tháng 20 ngày = 18.666.600 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị N phải chịu án phí trên số tiền gốc, lãi phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể: 118.666.600 đồng x 5% = 5.933.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Ngô Thị Thu N; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G.

Buộc bị đơn chị Ngô Thị Thu N có trách nhiệm trả nguyên đơn chị Nguyễn Thị G số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 18.666.600 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 118.666.600 đồng (Một trăm mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền chị G nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 6808 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít sẽ được hoàn trả cho chị G.

Bị đơn chị Ngô Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.933.000 đồng và chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền chị Nguyệt nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 2977 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc chị Ngô Thị Thu N nộp tiếp số tiền 5.633.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.MT: 01;
- VKSND H.MTL: 01;
- Chi Cục THADS H.MT: 01;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca